

THÔNG TƯ

Hướng dẫn thực hiện chế độ quản lý tài chính đối với Quỹ hỗ trợ phát triển

Thực hiện Quyết định số 232/1999/QĐ-TTg ngày 17/12/1999 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế quản lý tài chính đối với Quỹ hỗ trợ phát triển, Bộ Tài chính hướng dẫn cụ thể như sau:

I. QUY ĐỊNH CHUNG

- Thông tư này áp dụng cho hệ thống Quỹ hỗ trợ phát triển, bao gồm: Quỹ hỗ trợ phát triển Trung ương; Chi nhánh Quỹ hỗ trợ phát triển tại các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Văn phòng giao dịch trong nước và nước ngoài của Quỹ hỗ trợ phát triển.
- Quỹ hỗ trợ phát triển được Nhà nước cấp vốn điều lệ, vốn hỗ trợ lãi suất sau đầu tư, bù chênh lệch lãi suất và được huy động các nguồn vốn trung, dài hạn để thực hiện cho vay đầu tư, hỗ trợ lãi suất sau đầu tư, bảo lãnh tín dụng theo đúng quy định của Nhà nước.
- Quỹ hỗ trợ phát triển có trách nhiệm đảm bảo hoàn vốn và bù đắp chi phí, được miễn nộp thuế và các khoản nộp ngân sách Nhà nước.
- Quỹ hỗ trợ phát triển là đơn vị hạch toán tập trung toàn hệ thống, được sử dụng các khoản thu nhập để trang trải các chi phí trong quá trình hoạt động; được phân phối chênh lệch thu chi tài chính theo đúng các quy định tại thông tư này.
- Chủ tịch Hội đồng quản lý, Tổng giám đốc Quỹ hỗ trợ phát triển chịu trách nhiệm trước Chính phủ về việc quản lý an toàn vốn và tài sản của Quỹ, sử dụng vốn đúng mục đích, có hiệu quả.
- Bộ Tài chính thực hiện chức năng quản lý Nhà nước về tài chính, có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra hoạt động thu, chi tài chính của Quỹ.

II. QUY ĐỊNH VỀ VỐN VÀ TÀI SẢN

- Vốn hoạt động của Quỹ hỗ trợ phát triển gồm:

- Vốn thuộc sở hữu Nhà nước:

Vốn Điều lệ là 3.000 tỷ đồng được hình thành từ:

Tiếp nhận vốn Điều lệ do ngân sách Nhà nước đã cấp cho Quỹ Hỗ trợ đầu tư quốc gia và tài sản Nhà nước bàn giao từ hệ thống Tổng cục Đầu tư phát triển;

Ngân sách Nhà nước cấp bổ sung hàng năm cho đến khi đủ vốn điều lệ;

Khi có yêu cầu thay đổi mức vốn điều lệ, Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ hỗ trợ phát triển đề nghị Bộ trưởng Bộ Tài chính để trình Thủ tướng Chính phủ quyết định.

Vốn ngân sách Nhà nước cấp hàng năm cho mục tiêu tăng nguồn vốn cho vay đầu tư.

- Vốn huy động:

Vay từ Quỹ tích lũy trả nợ nước ngoài, Quỹ tiết kiệm bưu điện và nguồn vốn tạm thời nhàn rỗi của Bảo hiểm xã hội Việt Nam;

Vay trung và dài hạn của các tổ chức kinh tế, tổ chức tín dụng, ngân hàng và các tổ chức khác trong nước;

Được huy động các nguồn vốn khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

- Vốn thu hồi nợ gốc các khoản cho vay trong nước.

- Vốn từ phát hành trái phiếu Chính phủ.

- Vốn vay nợ, viện trợ nước ngoài của Chính phủ dùng để cho vay lại các dự án đầu tư phát triển theo ủy nhiệm của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

- Vốn nhận ủy thác của các quỹ đầu tư, quỹ đầu tư phát triển địa phương, các tổ chức trong và ngoài nước để cho vay hoặc cấp vốn theo hợp đồng ủy thác.

- Vốn Ngân sách Nhà nước cấp để thực hiện hỗ trợ lãi suất sau đầu tư.

- Vốn khác.

2. Bộ Tài chính thực hiện giao vốn thuộc sở hữu Nhà nước và bố trí vốn bổ sung hàng năm dành cho các mục tiêu đầu tư.

Bộ Tài chính giao vốn cho Quỹ hỗ trợ phát triển. Người nhận vốn là Chủ tịch Hội đồng quản lý và Tổng giám đốc Quỹ hỗ trợ phát triển.

Bộ Tài chính thực hiện việc cấp bổ sung vốn Điều lệ, vốn cho các mục tiêu của Quỹ hỗ trợ phát triển theo kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao.

3. Hàng năm, Quỹ hỗ trợ phát triển phải cân đối nguồn vốn và nhu cầu vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước; thực hiện kế hoạch hoá các nguồn vốn huy động. Việc huy động các nguồn vốn với lãi suất cao để cho vay đầu tư phải đảm bảo nguyên tắc chỉ huy động khi đã sử dụng tối đa các nguồn vốn không phải trả lãi hoặc hoặc huy động với lãi suất thấp.

Khithực hiện nhiệm vụ tín dụng đầu tư của Nhà nước giao, Quỹ hỗ trợ phát triển đượcNhà nước cấp bù chênh lệch lãi suất. Việc cấp bù chênh lệch lãi suất thực hiệntheo hướng dẫn của Bộ Tài chính.

Khithực hiện việc cho vay lại nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA), Quỹ hỗtrợ phát triển được hưởng phí cho vay lại theo quy định tại Quyết định số232/1999/QĐ-TTg ngày 17/12/1999 của Thủ tướng Chính phủ và hướng dẫn cụ thể tạiQuyết định số 02/2000/QĐ-BTC ngày 06/01/2000 của Bộ trưởng Bộ Tài chính banhành quy chế cho vay lại từ nguồn vay, viện trợ nước ngoài của Chính phủ.

4.Quỹ hỗ trợ phát triển được quyền thay đổi cơ cấu vốn, tài sản trong phạmvi toàn hệ thống để phục vụ cho việc phát triển hoạt động của Quỹ.

5.Việc đảm bảo hoàn vốn của Quỹ hỗ trợ phát triển được thực hiện theo đúng quyđịnh tại điều 12 của Quy chế quản lý tài chính đối với Quỹ hỗ trợ phát triểnban hành kèm theo Quyết định số 232/1999/QĐ-TTg ngày 17/12/1999 của Thủ tướngChính phủ.

6.Vốn đầu tư xây dựng cơ bản và mua sắm tài sản cố định:

6.1.Vốn đầu tư xây dựng cơ bản và mua sắm tài sản cố định của Quỹ hỗ trợ phát triểnđược hình thành từ các nguồn:

Vốnđiều lệ hiện có của Quỹ;

Ngânsách Nhà nước cấp (nếu có);

Khấuhao tài sản cố định;

Quỹđầu tư phát triển và các nguồn hợp pháp khác theo quy định của Nhà nước;

6.2.Toàn bộ công tác xây dựng cơ bản, mua sắm tài sản cố định của Quỹ hỗ trợ pháttriển được thực hiện trong phạm vi nguồn vốn được duyệt trong kế hoạch tàichính do Hội đồng quản lý thông qua và phải thực hiện đúng theo quy định củaNhà nước. Tổng mức đầu tư xây dựng cơ bản, mua sắm tài sản cố định của Quỹ hỗtrợ phát triển không vượt quá 50% vốn điều lệ hiện có của Quỹ. Căn cứ tình hìnhthực tế hoạt động của Quỹ, Bộ Tài chính sẽ quy định tỷ lệ này đối với từng giaiđoạn cho phù hợp.

7.Kiểm kê, đánh giá lại tài sản

7.1.Quỹ hỗ trợ phát triển phải thực hiện kiểm kê, đánh giá lại tài sản trong các trườnghợp sau:

Kiểmkê, đánh giá lại tài sản theo quyết định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

Thuhồi tài sản thế chấp khi chủ đầu tư không trả được nợ.

Thanhlý, nhượng bán tài sản

7.2.Việc kiểm kê, đánh giá lại tài sản phải theo đúng các quy định hiện hành đốivới doanh nghiệp Nhà nước. Các khoản chênh lệch tăng hoặc giảm do đánh giá lạitài sản (trừ khoản thu hồi tài sản thế chấp khi chủ đầu tư không trả được nợ,tài sản hình thành từ vốn vay của Quỹ) được hạch toán tăng hoặc giảm vốn củaQuỹ hỗ trợ phát triển theo quy định như đối với Doanh nghiệp Nhà nước.

8.Đối với các trường hợp tổn thất về tài sản của Quỹ, Quỹ hỗ trợ phát triển phảixác định rõ nguyên nhân và xử lý:

8.1.Nếu tài sản bị tổn thất do lỗi của tập thể và cá nhân thì tập thể, cá nhân gâyra phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

8.2.Nếu tài sản đã mua bảo hiểm theo pháp luật thì xử lý theo hợp đồng bảo hiểm.

8.3.Giá trị tổn thất sau khi đã bù đắp bằng tiền của cá nhân, tập thể, của tổ chứcbảo hiểm, nếu thiếu được bù đắp bằng Quỹ dự phòng rủi ro nghiệp vụ (trích lậptừ chênh lệch thu chi tài chính).

9.Việc trích khấu hao tài sản cố định của Quỹ hỗ trợ phát triển thực hiện như đốivới doanh nghiệp Nhà nước và theo sự thoả thuận của Bộ Tài chính.

10.Quỹ hỗ trợ phát triển được quyền cho thuê các tài sản thuộc quyền quản lý củaQuỹ theo nguyên tắc có hiệu quả, bảo toàn và phát triển vốn theo quy định củaBộ Luật dân sự và các quy định khác của pháp luật.

Việcho thuê trụ sở làm việc do Hội đồng quản lý quyết định theo đề nghị của Tổnggiám đốc Quỹ hỗ trợ phát triển.

11.Quỹ hỗ trợ phát triển được thanh lý, nhượng bán những tài sản kém, mất phẩmchất, tài sản hư hỏng không có khả năng phục hồi, tài sản lạc hậu kỹ thuậtkhông có nhu cầu sử dụng hoặc sử dụng không có hiệu quả. Hội đồng quản lý Quỹhỗ trợ phát triển quyết định việc thanh lý, nhượng bán trụ sở làm việc và báocáo Bộ Tài chính.

Khithanh lý tài sản Quỹ hỗ trợ phát triển phải định giá tài sản và tổ chức đấu giátheo quy định của pháp luật.

Chênhlệch giữa số tiền thu được do thanh lý, nhượng bán tài sản với giá trị còn lạicủa tài sản trên sổ sách kế toán và chi phí thanh lý, nhượng bán (nếu có) đượchạch toán vào thu nhập của Quỹ hỗ trợ phát triển.

III. TRÍCH LẬP DỰ PHÒNG RỦI RO VÀ XỬ LÝ RỦI RO

1.Quỹ hỗ trợ phát triển được hạch toán vào chi phí các khoản dự phòng rủi ro vềtỷ giá trong quá trình hoạt động theo quy định hiện hành. Riêng khoản chênhlệch tỷ giá phát sinh trong hoạt động cho vay lại nguồn vốn ODA không hạch toánvào thu nhập, chi phí; việc hạch toán khoản này thực hiện theo hướng dẫn riêngcủa Bộ Tài chính.

2.Quỹ dự phòng rủi ro

2.1.Quỹ hỗ trợ phát triển được trích lập quỹ dự phòng rủi ro để bù đắp tổn thất do nguyên nhân khách quan phát sinh trong quá trình cho vay các dự án đầu tư phát triển theo kế hoạch của Nhà nước.

2.2.Mức trích lập Quỹ dự phòng rủi ro hàng năm được tính bằng 2% tổng số lãi thu được trong năm từ các dự án vay vốn đầu tư của Quỹ hỗ trợ phát triển và được hạch toán vào chi phí nghiệp vụ. Việc trích lập thực hiện theo quy trình sau:

Kết thúc mỗi quý, căn cứ số lãi cho vay thu được trong quý, Quỹ hỗ trợ phát triển tạm trích quỹ dự phòng rủi ro và hạch toán vào chi phí nghiệp vụ. Mức tạm trích bằng 2% số tiền lãi cho vay thu được trong quý.

Kết thúc năm tài chính, trước khi khóa sổ kế toán, Quỹ hỗ trợ phát triển tính lại số trích Quỹ dự phòng rủi ro cả năm và thực hiện điều chỉnh:

Nếu số đã tạm trích nhỏ hơn số được trích cả năm thì Quỹ hỗ trợ phát triển trích bổ sung phần chênh lệch thiếu hạch toán vào chi phí nghiệp vụ;

Nếu số đã tạm trích lớn hơn số được trích cả năm thì Quỹ hỗ trợ phát triển thực hiện giảm chi phí nghiệp vụ tương ứng với số chênh lệch thừa.

3.Quỹ dự phòng rủi ro được sử dụng trong trường hợp:

Xoay cho các dự án do nguyên nhân bất khả kháng như: có tổn thất do thiên tai, hỏa hoạn; sau khi sử dụng tiền bồi thường của cơ quan bảo hiểm (nếu có) để giảm trừ tổn thất; căn cứ quyết định của Thủ tướng Chính phủ về việc xóa nợ, Quỹ hỗ trợ phát triển trích quỹ dự phòng rủi ro số tiền tương ứng với số chênh lệch thiếu phần vốn gốc.

Sử dụng quỹ dự phòng rủi ro để bù đắp các tổn thất do nguyên nhân khách quan phát sinh trong toàn hệ thống.

4.Việc trích lập quỹ dự phòng rủi ro được thực hiện ở các Chi nhánh, sau đó được chuyển về Quỹ Trung ương để tập trung quản lý. Quỹ hỗ trợ phát triển có trách nhiệm quản lý và sử dụng quỹ dự phòng rủi ro đúng mục đích.

Cuối năm, nếu không sử dụng hết quỹ dự phòng rủi ro, số dư của quỹ được chuyển sang quỹ dự phòng rủi ro năm sau. Trường hợp số dư quỹ dự phòng rủi ro không đủ bù đắp tổn thất phát sinh trong năm, Hội đồng quản lý Quỹ hỗ trợ phát triển báo cáo Bộ Tài chính để trình Thủ tướng Chính phủ xem xét quyết định.

IV. TRÍCH LẬP VÀ SỬ DỤNG QUỸ DỰ PHÒNG BẢO LÃNH

1.Quỹ hỗ trợ phát triển được lập quỹ dự phòng bảo lãnh để trả cho các tổ chức tín dụng khi chủ đầu tư được bảo lãnh không trả nợ đúng hạn. Giới hạn trích tối đa hàng năm của quỹ dự phòng bảo lãnh bằng 5% tổng số vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước (trừ vốn ODA cho vay lại). Mức trích cụ thể từng năm do Chủ tịch Hội đồng quản lý quyết định và đưa vào kế hoạch năm trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

Việc trích lập quỹ dự phòng bảo lãnh chỉ thực hiện ở cấp trung ương. Các Chi nhánh Quỹ hỗ trợ phát triển và các Văn phòng đại diện không được trích quỹ bảo lãnh.

2.Quy chế bảo lãnh tín dụng đầu tư do Hội đồng quản lý Quỹ hỗ trợ phát triển ban hành theo quy định của pháp luật hiện hành.

3.Kết thúc năm tài chính, nếu quỹ dự phòng bảo lãnh không sử dụng hết thì toàn bộ số dư còn lại của quỹ sẽ được nhập vào nguồn vốn cho vay của năm sau.

Trường hợp Quỹ dự phòng bảo lãnh không đủ để thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh thì Hội đồng quản lý Quỹ hỗ trợ phát triển báo cáo Bộ trưởng Bộ Tài chính trình Thủ tướng Chính phủ quyết định.

V. CẤP VỐN HỖ TRỢ LÃI SUẤT SAU ĐẦU TƯ

1.Cuối tháng 9, căn cứ vào định hướng phát triển kinh tế xã hội, căn cứ kế hoạch của các Bộ, Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố và các tổ chức có liên quan, Quỹ Hỗ trợ phát triển lập và gửi kế hoạch hỗ trợ lãi suất sau đầu tư cho Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và đầu tư để tổng hợp trong kế hoạch Ngân sách Nhà nước hàng năm trình Thủ tướng Chính phủ.

2.Hàng năm, căn cứ kế hoạch được Thủ tướng Chính phủ giao và danh sách các dự án đầu tư đã được Quỹ Hỗ trợ phát triển ký hợp đồng hỗ trợ lãi suất sau đầu tư, Bộ Tài chính thực hiện cấp vốn hỗ trợ lãi suất sau đầu tư cho Quỹ Hỗ trợ phát triển theo tiến độ triển khai, trong phạm vi dự toán được duyệt.

Kết thúc năm, Quỹ hỗ trợ phát triển có trách nhiệm quyết toán với Bộ Tài chính số vốn hỗ trợ lãi suất sau đầu tư đã nhận và số thực cấp cho các chủ đầu tư.

Nếu hết năm, số vốn được cấp chưa sử dụng hết thì được giảm trừ cấp phát vốn hỗ trợ lãi suất sau đầu tư của năm sau.

3.Quỹ hỗ trợ phát triển có trách nhiệm quản lý và sử dụng đúng các quy định đối với nguồn vốn hỗ trợ lãi suất sau đầu tư. Không sử dụng vốn hỗ trợ lãi suất sau đầu tư cho các mục đích khác.

VI. THU, CHI TÀI CHÍNH

1.Thu nhập của Quỹ hỗ trợ phát triển là toàn bộ các khoản thu phát sinh từ các hoạt động nghiệp vụ và dịch vụ khác của Quỹ, bao gồm:

1.1.Thu nhập từ hoạt động nghiệp vụ:

Thu lãi vay và lãi phạt của các dự án vay vốn đầu tư của Quỹ hỗ trợ phát triển (không bao gồm lãi vay của các dự án sử dụng nguồn vốn ODA cho vay lại); lãi phạt các dự án được bảo lãnh nhưng không trả nợ đúng hạn buộc Quỹ hỗ trợ phát triển phải trả nợ thay;

Thu lãi tiền gửi của Quỹ hỗ trợ phát triển gửi tại Kho bạc Nhà nước và các Ngân hàng thương mại;

Thu lãi cho vay vốn tạm thời nhàn rỗi;

Thuphí dịch vụ bảo lãnh bằng 0.5%/năm trên số tiền đang bảo lãnh cho chủ đầu tư;

Thuphí nhận uỷ thác cho vay lại theo hợp đồng uỷ thác;

Thucấp bù chênh lệch lãi suất và phí quản lý do Ngân sách Nhà nước cấp;

Thuvề dịch vụ thanh toán, thông tin và ngân quỹ;

Thuhoạt động nghiệp vụ và dịch vụ khác;

1.2.Thu nhập từ hoạt động tài chính:

Thulãi từ tín phiếu, trái phiếu Chính phủ;

Thuphí dịch vụ tư vấn đầu tư;

Thutừ hoạt động cho thuê tài sản;

Cáckhoản thu từ dịch vụ tài chính khác.

1.3.Thu nhập từ hoạt động bất thường:

Cáckhoản thu phạt;

Thuthanh lý, nhượng bán tài sản của Quỹ hỗ trợ phát triển (sau khi trừ giá trị còn lại và các khoản chi phí thanh lý, nhượng bán);

Thuchênh lệch do đánh giá lại tài sản thế chấp khi chủ đầu tư không trả được nợ,tài sản hình thành từ vốn vay của Quỹ;

Thunợ đã xoá nay thu hồi được;

Cáckhoản thu nhập bất thường khác.

2.Chi phí của Quỹ hỗ trợ phát triển là các chi phí hợp lý phải trả phát sinhtrong kỳ, bao gồm:

2.1.Chi hoạt động nghiệp vụ:

Trảlãi tiền vay (không bao gồm trả lãi vay của các dự án sử dụng nguồn vốn ODA chovay lại);

Trảlãi trái phiếu;

Trảlãi tiền gửi;

Chiphí huy động vốn;

Chiphí dịch vụ thanh toán;

Chiphí uỷ thác đầu tư;

Chiphí dịch vụ đầu tư;

Chiphí dự phòng rủi ro về tỷ giá;

Chitrich lập quỹ dự phòng rủi ro;

Chikhác cho hoạt động nghiệp vụ.

2.2.Chi phí quản lý:

Chicho cán bộ, công chức, viên chức của Quỹ hỗ trợ phát triển:

Chilương, phụ cấp lương theo chế độ do Thủ tướng Chính phủ quyết định;

Chibảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, đóng góp kinh phí công đoàn theo chế độ Nhà nướcquy định;

Chiăn giữa ca: mức chi mỗi người không vượt quá mức lương tối thiểu Nhà nước quyđịnh cho công nhân viên chức;

Chitơ trợ cấp khó khăn theo quy định của pháp luật;

Chitrang phục giao dịch;

Chiphụ cấp cho thành viên Hội đồng quản lý làm việc bán chuyên trách;

Chiphương tiện bảo hộ lao động theo quy định;

Chiphí khấu hao tài sản cố định

Chicho hoạt động quản lý và công vụ:

Chimua sắm công cụ lao động, vật tư văn phòng;

Chivề cước phí Bưu điện và truyền tin: Gồm chi về bưu phí, truyền tin, điện báo,thuê kênh truyền tin, telex, fax...trả theo hoá đơn của cơ quan bưu điện;

Việcchi trang bị điện thoại tại nhà riêng của các đối tượng theo quy định hiện hànhcủa Nhà nước.

Chidiện, nước, y tế, vệ sinh cơ quan.

Chixăng dầu vận chuyển phục vụ cán bộ, công chức, viên chức đi công tác và lãnhđạo Quỹ đi làm việc theo chế độ Nhà nước quy định.

Chicông tác phí cho cán bộ, công chức, viên chức đi công tác trong và ngoài nướcthanh toán theo quy định hiện hành của Bộ Tài chính.

Chiphí tuyên truyền, họp báo, chi phí giao dịch, đối ngoại, chi phí hội nghị.

Chicho việc thanh tra, kiểm tra các Chi nhánh Quỹ hỗ trợ phát triển theo chế độquy định.

Chibảo dưỡng sửa chữa tài sản theo kế hoạch tài chính hàng năm.